

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 09**

CBGD: **Lê Thanh Hải (260040)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn c
1	2120120709	NGUYỄN MẬU TUẤN ANH	14/08/2002	CCQ2012P						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
2	2120120522	TRINH VŨ HỒNG AN	31/08/2002	CCQ2012P						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
3	2120120488	CÁP THANH CẢNH	03/05/2002	CCQ2012O						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
4	2120120524	ĐỖ CHÍ CÔNG	19/01/2002	CCQ2012P						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
5	2120120491	LÊ THỊ KIỀU DIỄM	11/10/2002	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
6	2120120577	NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM	13/05/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
7	2120120492	NGUYỄN KIM DUNG	01/02/2002	CCQ2012O							(V) (0) (1) (2) (3) (4)
8	2120120578	NGUYỄN THỊ THÚY DUYÊN	01/01/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
9	2120120525	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	08/06/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
10	2120120494	LÊ ĐÌNH ĐẠT	11/07/2002	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
11	2120110182	LÊ TIẾN ĐẠT	23/09/2002	CCQ2012O						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
12	2120120077	PHẠM THỊ HỒNG	02/02/2002	CCQ2012C						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
13	2120120428	LÊ TRỌNG KHƯƠNG	07/07/2000	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
14	2120120527	NGUYỄN THỊ KIM KIỀU	16/04/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
15	2120120712	PHAN TẤN LỰC	07/03/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
16	2120120582	NGUYỄN THỊ MƠ	29/09/2002	CCQ2012P						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
17	2120120529	DƯƠNG THỊ DIỄM MY	09/03/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
18	2120120705	MAI NGỌC NGÂN	21/07/2002	CCQ2012O						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
19	2120120532	HỒ THỊ HỒNG NHUNG	15/09/2002	CCQ2012P						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
20	2120120706	NGUYỄN THỊ BẢO OANH	14/11/2001	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 09**

CBGD: **Lê Thanh Hải (260040)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm
21	2120120474	NGUYỄN VĂN PHI	10/06/2000	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6
22	2120170232	LÊ THÀNH PHƯỚC	12/10/2002	CCQ2012R							(V) 0 1 2 3 4 5 6
23	2120120533	NGÔ THỊ PHƯƠNG	15/11/2000	CCQ2012P						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
24	2120120534	PHẠM DIỄM QUYÊN	07/07/2002	CCQ2012P							(V) 0 1 2 3 4 5 6
25	2120120509	ĐỖ THỊ THANH TÂM	01/02/2001	CCQ2012O						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
26	2120120707	HOÀNG THỊ TÂM	16/01/2002	CCQ2012O						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
27	2120120708	NGUYỄN VIỆT TÂN	04/11/2001	CCQ2012O							(V) 0 1 2 3 4 5 6
28	2120120584	NGUYỄN HIỆP THÀNH	10/01/2000	CCQ2012P						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
29	2120120726	TRẦN THỊ THU THẢO	15/09/2002	CCQ2012R							(V) 0 1 2 3 4 5 6
30	2120120536	LÊ QUỐC THẮNG	04/08/2001	CCQ2012P							(V) 0 1 2 3 4 5 6
31	2120120510	ĐỖ THỊ NHƯ THI	28/07/2001	CCQ2012O						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
32	2120120511	VÕ THỊ KIM THƠM	20/09/2002	CCQ2012O						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
33	2120120586	NGUYỄN THÀNH THÚ	18/12/2000	CCQ2012P							(V) 0 1 2 3 4 5 6
34	2120120585	PHẠM ĐÌNH THUẬN	22/01/2002	CCQ2012P							(V) 0 1 2 3 4 5 6
35	2120120538	LÊ THỦY TIẾN	29/04/2000	CCQ2012P						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
36	2120120539	NGUYỄN THỊ THỦY TIẾN	30/11/2002	CCQ2012P						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
37	2120120541	HÒA THỊ HUYỀN TRANG	13/08/2002	CCQ2012P						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
38	2120120512	NGUYỄN THỊ THỦY TRANG	17/11/2002	CCQ2012O							(V) 0 1 2 3 4 5 6
39	2120120542	PHẠM THỊ THỦY TRANG	25/06/2002	CCQ2012P						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
40	2120120576	TRỊNH MINH TRIỀU	04/02/2002	CCQ2012O						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 09**

CBGD: **Lê Thanh Hải (260040)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm và
41	2120120544	LÊ TRẦN NGỌC TRINH	14/02/2002	CCQ2012P						8.5	(V) (0) (1) (2)
42	2120120513	HOÀNG PHI TRỌNG	01/10/2002	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2)
43	2120120516	ĐẶNG THỊ TRƯỜNG	10/11/2002	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2)
44	2120120517	NGUYỄN MẠNH TUẤN	15/02/2002	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2)
45	2120120545	TRẦN TRUNG TUYẾN	04/12/2002	CCQ2012P						8.0	(V) (0) (1) (2)
46	2120120519	LÊ HUỖNH QUỐC VIỆT	04/10/2002	CCQ2012O						7.5	(V) (0) (1) (2)
47	2120120521	NGUYỄN THỊ XUÂN YÊN	27/09/2002	CCQ2012O						8.0	(V) (0) (1) (2)
48	2120120714	PHẠM HOÀNG NGỌC YẾN	04/01/2002	CCQ2012P						8.5	(V) (0) (1) (2)